

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2018

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951*

Địa chỉ: Xóm A, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

*2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1941*

Địa chỉ: Tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà N và ông T đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-8-2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1981, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghĩa Bình (nay là Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi). Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2009, bà bị tai biến, phải ngồi xe lăn, sức khỏe giảm sút, không đáp ứng được đòi hỏi về nhu cầu sinh lý cho ông T nên ông T thường xuyên gây gổ, hành hung và đuổi bà ra khỏi nhà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tại các phiên hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Lý do bà xin ly hôn ông T là vì ông T tự ý đuổi vợ chồng người con nuôi của bà là Nguyễn Thị Trung T1 ra khỏi nhà nên bà không muốn sống với ông T nữa. Do đó, bà yêu cầu

Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T để bà về sống chung với con của bà, đồng thời tạo điều kiện cho ông T ra ngoài Bắc sống với con riêng của ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con nuôi tên là Nguyễn Thị Trung T1, sinh năm 1986. Hiện nay chị T1 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ngày 22-10-2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị N về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn. Từ khi kết hôn đến nay, ông và bà N chung sống hạnh phúc. Từ năm 2009, bà N bị tai biến, liệt nửa người, ông cùng các con cháu tích cực chạy chữa cho bà N nhưng bệnh bà N không tiến triển gì. Trong thời gian bà N bị bệnh thì ông là người trực tiếp chăm sóc bà N. Ông và bà N đã chung sống với nhau hơn 30 năm nên khi bà N bỏ nhà đi thì ông rất thương nhớ. Ông tuổi già, sinh lý yếu nên việc bà N ông trình bày ông đòi hỏi quan hệ tình dục rồi gây sự, đánh đập, đuổi bà N đi là không đúng. Hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà N nên tha thiết mong Tòa án hòa giải để vợ chồng ông được đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Việc bà N trình bày ông muốn về sống với vợ con ở ngoài Bắc là không đúng sự thật.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không sinh được con nên ông và bà N có nhận 01 người con nuôi tên là Nguyễn Thị Trung T1, sinh năm 1986. Hiện nay chị T1 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Khi bà Nguyễn Thị N khởi kiện thì ông Nguyễn Xuân T đang cư trú tại tổ B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Ly hôn” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghĩa Bình (nay là Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 1981. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà

Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Xuân T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Xuân T trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở xác định: Từ khi bà N, ông T kết hôn đến tháng 7-2017 thì vợ chồng bà N, ông T chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông T chỉ mới phát sinh từ tháng 7-2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T tự ý đuổi vợ chồng người con gái nuôi ra khỏi nhà, không có sự đồng ý của bà N nên bà N đã bỏ nhà đi theo vợ chồng con gái nuôi từ đó đến nay, không muốn chung sống với ông T nữa.

[2.3] Trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N trình bày lý do bà xin ly hôn ông T vì ông T thường xuyên gây gổ, hành hung bà do sức khỏe của bà yếu, không đáp ứng được nhu cầu sinh lý cho ông T. Trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng do hiện nay bà đã già yếu nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T để bà có cuộc sống ổn định với con gái nuôi của bà, đồng thời bà cũng muốn tạo điều kiện cho ông T ra ngoài Bắc chung sống với con riêng của ông T.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Xuân T không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà N đã trình bày trong đơn khởi kiện, đồng thời ông T cũng xác định ông vẫn còn tình cảm với bà N nên đồng ý bỏ qua mọi chuyện trước đây để bà N và vợ chồng con gái nuôi về chung sống với ông.

[2.5] Xét thấy lý do mà bà Nguyễn Thị N đưa ra để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và xin ly hôn ông T là chưa có tính thuyết phục. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Xuân T luôn tha thiết mong Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, để tạo điều kiện cho bà N, ông T có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về

việc xin ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Nguyễn Xuân T nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**